

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 02 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt) | : Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 2. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh) | : Medical laboratory science |
| 3. Trình độ đào tạo | : Đại học |
| 4. Định hướng đào tạo | : Thực hành |
| 5. Mã ngành đào tạo | : 7720601 |
| 6. Thời gian đào tạo | : 2 năm |
| 7. Loại hình đào tạo | : Liên thông vừa làm vừa học |

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học có phẩm chất đạo đức và kiến thức chuyên môn về lĩnh vực Kỹ thuật xét nghiệm y học; có kỹ năng thực hiện các xét nghiệm cận lâm sàng, phát hiện chính xác các tác nhân gây bệnh trên nền tảng kiến thức về khoa học sức khỏe nói chung và kiến thức chuyên ngành Xét nghiệm y học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

● Kiến thức

PO.01. Có kiến thức về ngoại ngữ, y học cơ sở và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

PO.02. Hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

● Kỹ năng

PO.03. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm lâm sàng thông thường và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.

PO.04. Thực hiện, kiểm tra và giám sát các nguyên tắc vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

PO.05. Tham gia tổ chức, quản lý hoạt động phòng xét nghiệm y sinh học và thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

PO.06. Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp. Tham gia chỉ đạo tuyến và phòng chống dịch.

● Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.07. Hoạt động nghề nghiệp theo chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp và quy định của Pháp luật.

PO.08. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

PO.09. Trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hiện các công tác chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế	
PLO.01	Ứng dụng được các kiến thức chung cho nhóm ngành bao gồm y học cơ sở, ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề trong thực hành công việc chuyên môn.	III
PI 01.1	Đạt được trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 (hoặc tương đương) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, phục vụ học tập và công việc chuyên ngành.	II
PI 01.2	Ứng dụng được các kiến thức chung y học cơ sở để giải quyết các vấn đề trong thực hành công việc chuyên môn.	III
1.2.	Kiến thức thức chung cho nhóm ngành, kiến thức ngành/ chuyên ngành và bổ trợ	
PLO.02	Ứng dụng được các kiến thức của nhóm ngành, chuyên ngành và kiến thức bổ trợ vào công tác triển khai, thực hiện xét nghiệm thông thường, một số xét nghiệm chuyên sâu, đảm bảo an toàn phòng xét nghiệm, tổ chức quản lý và đảm bảo chất lượng xét nghiệm.	III
PI 02.1	Giải thích được nguyên lý và mục đích của các xét nghiệm thông thường và một số xét nghiệm chuyên sâu.	III
PI 02.2	Áp dụng các kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành vào các kỹ thuật xét nghiệm thông thường và một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu	III
PI 02.3	Áp dụng được các quy trình đảm bảo an toàn phòng xét nghiệm.	III
PI 02.4	Áp dụng quy trình kiểm soát nội kiểm và ngoại kiểm trong thực hiện xét nghiệm.	III
PI 02.5	Vận dụng được kiến thức tổ chức quản lý phòng xét nghiệm trong hoạt động xét nghiệm y học.	III
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO.03	Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm ở các giai đoạn trước, trong và sau xét nghiệm.	IV
	<i>Trước xét nghiệm</i>	
PI 03.1	Tổ chức, thực hiện tiếp đón, nhận phiếu yêu cầu xét nghiệm, kiểm tra, đối chiếu và xác nhận thông tin người bệnh/khách hàng.	III
PI 03.2	Hướng dẫn, tư vấn, động viên, giải thích và thông báo cho người bệnh/khách hàng về quy trình và rủi ro có thể xảy ra trong khi lấy mẫu xét nghiệm.	III
PI 03.3	Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất cần thiết theo đúng quy trình quy định lấy mẫu.	II
PI 03.4	Tổ chức, thực hiện lấy, đóng gói, vận chuyển, bảo quản mẫu xét nghiệm kịp thời, đảm bảo chất lượng, an toàn sinh học và toàn vẹn mẫu bệnh phẩm.	III
PI 03.5	Tổ chức, thực hiện tiếp nhận hoặc từ chối mẫu xét nghiệm và nhập thông tin vào hệ thống theo đúng quy trình quy định.	III
PI 03.6	Tổ chức, thực hiện phân loại, xử lý mẫu xét nghiệm phù hợp với từng loại xét nghiệm theo đúng quy trình quy định	III
	<i>Trong xét nghiệm</i>	

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI 03.7	Tham gia, thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của các phương pháp xét nghiệm của phòng xét nghiệm.	III
PI 03.8	Lựa chọn phương pháp xét nghiệm phù hợp với của phòng xét nghiệm.	IV
PI 03.9	Chuẩn bị thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm phù hợp với quy trình kỹ thuật xét nghiệm.	II
PI 03.10	Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng của các phương pháp xét nghiệm của phòng xét nghiệm.	III
PI 03.11	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm thông thường theo quy trình quy định.	III
PI 03.12	Phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm phức tạp	IV
	<i>Sau xét nghiệm</i>	
PI 03.13	Rà soát, kiểm tra kết quả xét nghiệm đảm bảo độ chính xác và tin cậy.	III
PI 03.14	Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo về những kết quả xét nghiệm nghi ngờ hoặc không phù hợp.	IV
PI 03.15	Báo cáo hoặc ký duyệt kết quả theo thẩm quyền và trả kết quả xét nghiệm kịp thời tới người bệnh/khách hàng theo quy định.	IV
PI 03.16	Lưu trữ kết quả xét nghiệm, bảo mật thông tin của người bệnh/khách hàng theo quy định	III
PI 03.17	Lựa chọn và thực hiện quy trình lưu mẫu bệnh phẩm phù hợp với từng loại xét nghiệm	IV
PI 03.18	Thực hiện chuẩn bị hoặc tham gia hội chẩn khi được yêu cầu.	IV
PLO.04	Thực hiện được công tác đảm bảo an toàn sinh học và đảm bảo chất lượng của phòng xét nghiệm.	III
	<i>Công tác đảm bảo an toàn sinh học</i>	
PI 04.1	Nhận biết và phân loại được mức độ nguy cơ sinh học của từng loại mẫu bệnh phẩm và tác nhân gây bệnh.	II
PI 04.2	Sử dụng đúng các phương tiện phòng hộ cá nhân, hóa chất, trang thiết bị theo cấp độ an toàn sinh học.	III
PI 04.3	Tuân thủ đúng quy trình xử lý, khử khuẩn, tiệt trùng và tiêu hủy chất thải xét nghiệm.	II
PI 04.4	Thực hiện đúng quy định về phòng chống lây nhiễm chéo trong phòng xét nghiệm.	III
PI 04.5	Tham gia diễn tập và xử lý các tình huống sự cố sinh học.	III
	<i>Công tác đảm bảo chất lượng xét nghiệm</i>	
PI 04.6	Thực hiện đúng các quy trình nội kiểm trong xét nghiệm.	III
PI 04.7	Phát hiện được sai lệch kết quả nội kiểm để điều chỉnh kịp thời.	III
PI 04.8	Tham gia thực hiện chương trình ngoại kiểm và phân tích kết quả so sánh liên phòng.	III
PI 04.9	Thực hiện đầy đủ việc lưu trữ hồ sơ, mẫu kiểm tra và báo cáo theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng.	III
PI 04.10	Sử dụng được các công cụ quản lý chất lượng để kiểm soát hoạt động xét nghiệm.	III
2.2	Kỹ năng lập luận tư duy, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề	
PLO.05	Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.	III
PI 05.1	Chuẩn bị được dụng cụ, phương tiện, vật tư phù hợp cho việc lấy	II

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	mẫu và thực hiện xét nghiệm tại cộng đồng.	
PI 05.2	Vận hành thiết bị xét nghiệm nhanh đúng và thực hiện đúng kỹ thuật lấy mẫu trong điều kiện lưu động.	III
PI 05.3	Quản lý thông tin mẫu xét nghiệm đảm bảo tính chính xác và bảo mật dữ liệu.	III
PI 05.4	Phối hợp với đồng nghiệp, tham gia lập kế hoạch triển khai hoạt động xét nghiệm lưu động tại cộng đồng hợp lý, khoa học và thực hiện đánh giá hiệu quả triển khai.	III
PI 05.5	Tham gia truyền thông và hướng dẫn người dân tuân thủ quy trình lấy mẫu xét nghiệm.	II
PI 05.6	Tuân thủ quy định về an toàn sinh học và phòng chống lây nhiễm khi làm việc tại cộng đồng.	II
PLO.06	Áp dụng được kiến thức tin học, công nghệ và năng lực số để hỗ trợ công việc chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.	III
PI 06.1	Phân tích được mối liên hệ giữa các quy trình trước, trong và sau xét nghiệm với kết quả lâm sàng và hoạt động điều trị.	III
PI 06.2	Phân tích được vai trò của từng yếu tố trong hệ thống đảm bảo chất lượng xét nghiệm.	III
PI 06.3	Phân tích được dữ liệu và đánh giá nguy cơ dựa trên tình huống kỹ thuật trong thực hành chuyên môn	III
PI 06.4	Sử dụng được phần mềm quản lý xét nghiệm trong tiếp nhận mẫu, nhập - trả kết quả.	III
PI 06.5	Sử dụng được các công cụ tin học để phân tích số liệu nội kiểm, ngoại kiểm.	III
PI 06.6	Khai thác được thông tin khoa học chuyên ngành xét nghiệm từ các cơ sở dữ liệu số.	III
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp	
PLO.07	Tuân thủ theo chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chuyên môn.	III
PI 07.1	Hành nghề theo đúng pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	II
PI 07.2	Tuân thủ các quy định, quy tắc, văn hoá giao tiếp ứng xử nơi làm việc.	II
PI 07.3	Chủ động báo cáo sai sót chuyên môn hoặc sự cố nghề nghiệp khi phát hiện trong quá trình làm việc và chịu trách nhiệm cá nhân với những báo cáo đó.	III
PI 07.4	Bảo đảm sự tôn trọng, tế nhị, kín đáo trong suốt quá trình tiếp xúc với người bệnh khách hàng từ khi lấy mẫu cho đến khi trả kết quả.	III
PI 07.5	Tôn trọng, chân thành, không phân biệt đối xử và hỗ trợ đồng nghiệp cho các hoạt động chuyên môn.	II
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
PLO.08	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công tác chuyên môn và các vấn đề liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.	III
PI 08.1	Trân trọng nghề nghiệp của bản thân, chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định đưa ra; đặt sức khỏe, quyền lợi của người bệnh/khách hàng làm trung tâm và không phân biệt đối xử.	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI 08.2	Thể hiện tinh thần, thái độ thận trọng, trung thực, chính xác, kịp thời và thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí trong thực hành nghề nghiệp	III
PI 08.3	Thể hiện tinh thần, trách nhiệm trong phân loại, xử lý chất thải, chất độc hại, đảm bảo an toàn, an ninh sinh học trong thực hành nghề nghiệp tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng	III
3.3	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân	
PLO.09	Thể hiện tinh thần tích cực học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.	III
PI 09.1	Xác định mục tiêu phát triển nghề nghiệp và nhu cầu học tập, nâng cao trình độ, tay nghề của bản thân để xây dựng kế hoạch phát triển.	III
PI 09.2	Học tập liên tục, suốt đời về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.	III
PI 09.3	Tham gia vào các hoạt động của tổ chức, hội nghề nghiệp, hội nghị khoa học để cập nhật, bổ sung kiến thức, phương pháp kỹ thuật xét nghiệm mới.	III
PI 09.4	Quảng bá hình ảnh của ngành, lắng nghe, có tư duy phản biện, đổi mới, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.	III
PI 09.5	Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên, kỹ thuật viên xét nghiệm y học ở trình độ thấp hơn và những đối tượng khác có liên quan.	III
PLO.10	Giao tiếp, cộng tác hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác, người bệnh và thân nhân người bệnh trong phạm vi thực hành nghề nghiệp.	III
PI 10.1	Nhận biết tâm lý và nhu cầu người bệnh/khách hàng. Chủ động lắng nghe, giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ; quản lý xung đột, sử dụng được các kỹ năng phù hợp để giao tiếp hiệu quả với người bệnh/ khách hàng.	III
PI 10.2	Giao tiếp lịch sự, rõ ràng, đúng mực, tôn trọng quyền riêng tư, văn hoá, tín ngưỡng của người bệnh và thân nhân.	III
PI 10.3	Tham gia hoặc thực hiện đáng giá sự hài lòng và giải quyết những phàn nàn của người bệnh/khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ xét nghiệm.	III
PI 10.4	Giao tiếp hiệu quả với các đồng nghiệp trong phòng xét nghiệm, liên phòng, liên khoa, liên ngành trong hoạt động chuyên môn	III

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng

IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ hành nghề đúng theo ngành/chuyên ngành tuyển sinh.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào

Thí sinh phải đạt một trong những tiêu chí sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
		1. Kiến thức giáo dục đại cương	5	5	0
1	ĐHH-AI01	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	3	0
2	601CD.DHF.1.01.2	Tiếng anh chuyên ngành	2	2	0
		2. Kiến thức cơ sở ngành	6	6	0
3	601CD.SLM.3.01.2	Sinh lý - Mô học	2	2	0
4	601CD.SLDL.3.01.2	SLBMD - Dược lý	2	2	0
5	601CD.YCC.3.01.2	Sức khỏe môi trường	2	2	0
		3. Kiến thức chuyên ngành	36	13	23
6	601CD.DTR.4.01.2	Y sinh học phân tử	2	1	1

7	601CD.HHY.4.01.4	Huyết học truyền máu	4	2	2
8	601CD.KST.4.01.4	Ký sinh trùng y học	4	2	2
9	601CD.SHY.4.01.4	Hóa sinh	4	2	2
10	601CD.VSY.4.01.4	Vi sinh y học	4	2	2
11	601CD.PDH.4.01.2	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 1 (Vi sinh - Huyết học)	2	1	1
12	601CD.PDH.4.02.2	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 2 (Ký sinh trùng - Hoá sinh)	2	1	1
13	601CD.GPB.4.01.2	Xét nghiệm tế bào	2	1	1
14	601CD.PDH.4.03.2	Một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao	2	1	1
15	601CD.VSY.4.02.2	Thực tập KTXN 1: Vi sinh y học	2	0	2
16	601CD.SHY.4.02.2	Thực tập KTXN 2: Hóa sinh	2	0	2
17	601CD.KST.4.02.2	Thực tập KTXN 3: Ký sinh trùng y học	2	0	2
18	601CD.HHY.4.02.2	Thực tập KTXN 4: Huyết học và truyền máu	2	0	2
19	601CD.GPB.4.02.2	Thực tập KTXN 5: Giải phẫu bệnh	2	0	2
		4. Tốt nghiệp:	4	2	2
20	601CD.PDH.4.04.2	Lý thuyết tốt nghiệp	2	2	0
21	601CD.PDH.4.05.2	Thực hành tốt nghiệp	2	0	2
TỔNG CỘNG			51	26	25

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 1 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra.

ST T	Tín chỉ	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC		KỸ NĂNG				NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
		Học phần	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10
1	3	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng – Thống kê y học	X		X			X	X		X	
2	2	Tiếng anh chuyên ngành	X	X	X	X	X	X	X	X		
3	2	Sinh lý - Mô học	X		X	X				X	X	X
4	2	SLBMD - Dược lý										
5	2	Sức khỏe môi trường	X			X				X	X	
6	2	Y sinh học phân tử	X	X	X					X	X	
7	4	Huyết học truyền máu	X	X	X	X		X	X	X	X	
8	4	Ký sinh trùng y học		X	X				X			X

9	4	Hóa sinh	X	X	X					X	X	X
10	4	Vi sinh y học	X	X	X				X	X	X	
11	2	Tổ chức, quản lý và kiểm tra chất lượng xét nghiệm 1 (Vi sinh - Huyết học)	X	X	X	X			X	X	X	
12	2	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 2 (Ký sinh trùng – Hoá sinh)		X	X	X		X	X	X		X
13	2	Xét nghiệm tế bào		X	X	X		X	X	X	X	X
14	2	Một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao - phần Ký sinh trùng	X	X	X	X	X		X	X	X	X
15	2	Thực hành xét nghiệm 1: Vi sinh y học	X	X	X				X	X		
16	2	Thực tập KTXN2: Hoá sinh		X	X	X				X	X	
17	2	Thực tập KTXN 3: Ký sinh trùng y học		X	X	X		X	X	X		X
18	2	Thực tập KTXN 4: Huyết học và truyền máu		X	X	X	X				X	
19	2	Thực tập KTXN 5: Giải phẫu bệnh		X	X	X	X	X	X	X	X	X
20	2	Lý thuyết tốt nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X
21	2	Thực hành tốt nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	HK1	HK2	HK3	HK4
	1. Kiến thức giáo dục đại cương	5				
1	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	X			
2	Tiếng anh chuyên ngành	2	X			
	2. Kiến thức cơ sở ngành:	6				
3	Sinh lý - Mô học	2	X			
4	SLBMD - Dược lý	2	X			
5	Sức khỏe môi trường	2	X			
	2.2. Kiến thức ngành:	36				
6	Y sinh học phân tử	2	X			
7	Huyết học truyền máu	4			X	
8	Ký sinh trùng y học	4		X		
9	Hóa sinh	4		X		
10	Vi sinh y học	4		X		
11	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 1 (Vi sinh - Huyết học)	2			X	
12	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 2 (Ký sinh trùng - Hoá sinh)	2			X	
13	Xét nghiệm tế bào	2		X		
14	Một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao	2			X	
15	Thực tập KTXN 1: Vi sinh y học	2				X
16	Thực tập KTXN 2: Hóa sinh	2				X

17	Thực tập KTXN 3: Ký sinh trùng y học	2				X
18	Thực tập KTXN 4: Huyết học và truyền máu	2				X
19	Thực tập KTXN 5: Giải phẫu bệnh	2			X	
	2.4.2. Tốt nghiệp	4				
20	Lý thuyết	2				X
21	Thực hành	2				X

9. Mô tả vắn tắt các học phần

Học phần 1: Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng

Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền tảng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và ứng dụng của công nghệ số và AI vào đời sống, học tập, nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp và những ứng dụng của AI trong y học phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe.

Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng một số công cụ số và AI, khả năng phân tích, xử lý dữ liệu, sáng tạo nội dung, đồng thời rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường số hóa, bồi dưỡng ý thức về an toàn thông tin, đạo đức số, và tuân thủ pháp luật, giúp sinh viên hình thành ý thức sử dụng công nghệ một cách chủ động, văn minh, góp phần xây dựng cộng đồng số an toàn và bền vững.

Học phần 2. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

- Học phần TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp.

- Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm:

- Health and illness
- Parts of the body
- Functions of the body
- Medical practitioners
- Epidemiology
- Data presentation
- Hospitals
- Primary care
- Medical education
- Infections
- Basic investigations
- Laboratory tests
- X-ray and CT

Học phần 3. Sinh lý- Mô Học

Phần Sinh lý

Phần Sinh lý học trong học phần này cung cấp kiến thức nền tảng về chức năng bình thường của cơ thể người ở cấp độ cơ quan và hệ cơ quan. Đây là kiến thức cơ sở y học quan

trọng để người học KTXN:

Hiểu được nguồn gốc và ý nghĩa của các thành phần trong mẫu bệnh phẩm (máu, nước tiểu, dịch cơ thể).

Lý giải được cơ sở sinh lý của các xét nghiệm cận lâm sàng mà Kỹ thuật viên (KTV) thực hiện.

Phân biệt được sự khác biệt giữa trạng thái sinh lý (bình thường) và trạng thái bệnh lý (chuẩn bị cho phần Bệnh học) khi nhìn vào kết quả xét nghiệm.

Phần Mô Học

Mô học nghiên cứu sự phát triển, cách cấu tạo và sự hoạt động của các mô, các cơ quan, có mối quan hệ mật thiết với nhiều môn Y học cơ sở như Giải phẫu học, Sinh lý học cũng như các môn bệnh học khác như Giải phẫu bệnh học, Sinh lý bệnh học...

Những hiểu biết về Sinh lý học và Mô học giúp người học có cơ sở để tiếp thu tốt những môn học Y cơ sở khác.

Học phần 4. Sinh lý bệnh-Miễn dịch & Dược lý

Học phần Miễn dịch – Sinh lý bệnh và Dược lý dành cho sinh viên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học liên thông vừa làm vừa học từ cao đẳng trang bị những kiến thức nền tảng về miễn dịch học, sinh lý bệnh học và dược lý học. Nội dung miễn dịch học giới thiệu về đặc điểm, chức năng và vai trò của các thành phần thuộc hệ thống miễn dịch; phần sinh lý bệnh giới thiệu bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh và hậu quả của các rối loạn thường gặp như rối loạn cân bằng nước - điện giải, rối loạn cân bằng toan - kiềm, viêm và rối loạn thân nhiệt. Nội dung dược lý – độc chất học lâm sàng trang bị kiến thức dược lý cơ bản nhằm giải thích cơ chế tác dụng của một số nhóm thuốc thường dùng, phân tích tác dụng không mong muốn và độc tính trên các hệ thống sống, đồng thời nhận diện biểu hiện lâm sàng và nguyên tắc xử trí ngộ độc do thuốc và các chất gây ô nhiễm môi trường; ứng dụng được các chất giải độc đặc hiệu vào thực tế lâm sàng. Thông qua học phần này, sinh viên được yêu cầu nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức khoa học cơ bản để giải thích kết quả cận lâm sàng, đồng thời rèn luyện các kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp.

Học phần 5. Sức khỏe môi trường

Học phần Sức khỏe môi trường cung cấp nền tảng kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa môi trường và sức khỏe con người. Nội dung bao quát các vấn đề trọng tâm như vệ sinh nước, đất, không khí, bệnh viện; nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên được học các yếu tố tác hại nghề nghiệp như vật lý, hóa học và sinh học, nguyên nhân gây bệnh và nguyên lý dự phòng cơ bản. Sau khi hoàn thành, sinh viên có khả năng nhận diện nguy cơ, phân tích tác động và đề xuất biện pháp kiểm soát nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và an toàn nghề nghiệp.

Học phần 6. Y sinh học phân tử

Học phần Y sinh học phân tử sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý và quy trình của các kỹ thuật sinh học phân tử được ứng dụng trong lĩnh vực y học. Học phần giúp người học hiểu được cơ sở khoa học của việc phân tích vật chất di truyền, từ đó vận dụng trong chẩn đoán, nghiên cứu và phát hiện các biến dị di truyền. Bên cạnh đó, học phần sẽ rèn luyện các kỹ năng thực hành trong phòng thí nghiệm, giúp hình thành tư duy phân tích, đánh giá và lựa chọn kỹ thuật phù hợp với từng mục tiêu xét nghiệm hoặc nghiên cứu.

Về vị trí, đây là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân Xét nghiệm Y học liên thông vừa làm vừa học. Kiến thức và kỹ năng từ học phần sẽ giúp sinh viên hiểu,

thực hiện và phân tích các kỹ thuật sinh học phân tử trong xét nghiệm y học, tạo nền tảng cho học tập, thực hành lâm sàng và nghiên cứu trong lĩnh vực y sinh học di truyền và sinh học phân tử.

Học phần 7. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU

Học phần Huyết học - truyền máu cung cấp những kiến thức cơ bản về huyết học và truyền máu trong y học từ hình thái, số lượng, chức năng, quá trình biệt hóa cho đến một số bệnh lý liên quan đến bất thường tế bào máu, những kiến thức cơ bản về các xét nghiệm đông máu trong y học từ quá trình cầm máu, đông máu, tiêu fibrin đến một số các bệnh lý liên quan đến rối loạn đông máu cho đến hệ thống các nhóm máu, các bệnh liên quan đến truyền máu, cách định nhóm máu, các phản ứng trong truyền máu và cách bảo quản và truyền máu cho người. Học phần bao gồm 04 tín chỉ trong đó gồm 02 tín chỉ lý thuyết và 02 tín chỉ thực hành; nội dung lý thuyết sẽ được dạy trước trên giảng đường, sau đó sinh viên sẽ được thực hành những nội dung đã học theo lịch phân công thực hành tại bộ môn Huyết học.. Đây là học phần đầu tiên mà sinh viên được tiếp cận với các nội dung mà bộ môn Huyết học giảng dạy về Huyết học và truyền máu, chính vì thế những kiến thức học được sẽ theo sát sinh viên trong những năm đại học và hành nghề sau này.

Học phần 8. Ký sinh trùng y học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về một số loại ký sinh trùng phổ biến gây bệnh ở người. Các nội dung học tập bao gồm các đặc điểm về đại cương, đặc điểm sinh học, hình thái, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các bệnh ký sinh trùng, đặc điểm bệnh học và tác hại của bệnh do ký sinh trùng. Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán bệnh ký sinh trùng thường gặp.

Học phần 9. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cốt lõi trong lĩnh vực xét nghiệm hóa sinh, được tổ chức theo tiến trình từ các kỹ thuật nền tảng của phòng xét nghiệm đến ứng dụng trong hóa sinh lâm sàng. Sinh viên được tiếp cận các nguyên lý cân bằng, ly tâm, pha dung dịch, điều chỉnh pH, làm cơ sở cho việc vận hành chính xác các phương pháp phân tích sinh hóa. Trên nền tảng đó, học phần trình bày các phương pháp xét nghiệm như quang phổ và sinh hóa miễn dịch, qua đó vận dụng vào đánh giá các rối loạn chuyển hóa và chức năng các cơ quan trong lâm sàng. Thông qua việc thực hiện và phân tích các xét nghiệm hóa sinh lâm sàng liên quan đến carbohydrate, lipid, protein, chức năng gan mật, tụy, thận, thăng bằng acid-base, tim mạch, chất chỉ điểm ung thư và các dịch sinh học, sinh viên hình thành khả năng đánh giá và bước đầu biện luận kết quả xét nghiệm trong bối cảnh lâm sàng. Học phần góp phần phát triển năng lực thực hành, tư duy phân tích và tính chính xác nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn của kỹ thuật viên xét nghiệm y học.

Học phần 10. Vi sinh y học

Học phần Vi sinh y học trang bị cho sinh viên Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ liên thông vừa làm vừa học nền tảng kiến thức và kỹ năng cốt lõi về vi sinh vật gây bệnh ở người, từ đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh đến định hướng chẩn đoán phòng thí nghiệm. Nội dung học phần bao quát các nguyên lý vi sinh cơ bản, đáp ứng miễn dịch của cơ thể, vai trò của vaccine – huyết thanh trong phòng và điều trị bệnh, cùng với ý nghĩa của kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng kháng sinh hợp lý. Sinh viên được học theo hệ cơ quan, tập trung vào các tác nhân vi khuẩn và virus thường gặp gây nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, da-mô mềm, tiết niệu-sinh dục, thần kinh và các bệnh lây truyền qua vector hoặc từ động vật sang người. Song song với lý thuyết, học phần giúp sinh viên quan sát, mô tả và hiểu quy trình phân lập – định danh một số tác nhân vi sinh vật điển hình từ các bệnh phẩm thường gặp trong thực hành lâm sàng. Học phần kết nối chặt chẽ với Sinh học tế bào, Hóa học, Di truyền y học và là học phần nền tảng, tạo cơ sở vững chắc để sinh viên tiếp cận hiệu quả các học phần chuyên sâu và thực hành xét nghiệm vi sinh.

Học phần 11. Tổ chức, Quản lý và Kiểm tra chất lượng xét nghiệm 1

Phần Vi sinh

Học phần Tổ chức, Quản lý và Kiểm tra chất lượng xét nghiệm trang bị cho sinh viên KTXN năm thứ 1 hệ liên thông vừa làm vừa học các kiến thức và kỹ năng nền tảng về an toàn sinh học, đảm bảo và kiểm soát chất lượng trong phòng xét nghiệm vi sinh. Nội dung học phần tập trung vào hệ thống quản lý chất lượng (QA/QC), quy trình tiếp nhận – xử lý – bảo quản – vận chuyển bệnh phẩm, kiểm soát chất lượng xét nghiệm vi sinh (bao gồm xét nghiệm tính nhạy cảm của vi khuẩn với kháng sinh - AST và PCR), cũng như quản lý tài liệu, nhân sự, hóa chất và sinh phẩm. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thực hành an toàn sinh học, sử dụng PPE, kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy và đánh giá chất lượng xét nghiệm. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần Vi sinh y học, đồng thời là nền tảng quan trọng để tiếp thu hiệu quả các học phần chuyên sâu về thực hành xét nghiệm vi sinh lâm sàng.

Phần Huyết học

Học phần Tổ chức, quản lý và kiểm tra chất lượng xét nghiệm cung cấp những kiến thức cơ bản về cách hiệu chuẩn các chỉ số huyết học và truyền máu trong y học từ cách chạy mẫu nội kiểm, ngoại kiểm, bảo quản máu và chế phẩm đến cách quản lý người hiến máu tình nguyện. Học phần bao gồm 03 tín chỉ trong đó gồm 02 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành; nội dung lý thuyết sẽ được dạy trước trên giảng đường, sau đó sinh viên sẽ được thực hành những nội dung đã học theo lịch phân công thực hành tại bộ môn Huyết học. Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến một số bệnh lý, các trường hợp tai biến trong truyền máu phổ biến giúp sinh viên chuyên ngành xét nghiệm có thể xác định và phân tích cận lâm sàng trên thực tế. Đây là học phần bắt buộc sinh viên được tiếp cận với các nội dung mà bộ môn Huyết học giảng dạy, chính vì thế những kiến thức học được sẽ theo sát sinh viên trong những năm đại học và hành nghề sau này.

Học phần 12. Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm 2 (Ký sinh trùng – Hoá sinh)

Phần Ký sinh trùng

Học phần này cung cấp các khái niệm về quản lý chất lượng xét nghiệm và các nội dung của quản lý chất lượng xét nghiệm liên quan đến xét nghiệm ký sinh trùng; các nhóm nguy cơ lây nhiễm của các tác nhân ký sinh trùng, nguyên tắc thiết kế an toàn phòng xét nghiệm và đảm bảo an toàn phòng xét nghiệm ký sinh trùng, các yêu cầu về thu thập; vận chuyển mẫu, gửi mẫu và các yêu tố kiểm soát chất lượng xét nghiệm chẩn đoán ký sinh trùng; các yêu cầu về kiểm soát chất lượng của một số xét nghiệm thông thường chẩn đoán KST. Thực hành một số nội dung cơ bản về quản lý chất lượng xét nghiệm ký sinh trùng.

Phần Hóa sinh

Học phần Tổ chức quản lý và kiểm tra chất lượng xét nghiệm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hệ thống quản lý chất lượng trong phòng xét nghiệm y học, từ nhận thức vai trò của chất lượng xét nghiệm đến việc tổ chức và kiểm soát các hoạt động bảo đảm chất lượng. Trên cơ sở đó, sinh viên được tiếp cận các nội dung quản lý tài liệu, hồ sơ và trang thiết bị, đồng thời thực hiện và giám sát nội kiểm và ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm theo quy định. Thông qua các hoạt động thực hành quản lý tài liệu, nội kiểm và ngoại kiểm, học phần giúp sinh viên hình thành năng lực duy trì, theo dõi và cải tiến chất lượng xét nghiệm, góp phần bảo đảm độ chính xác và độ tin cậy của kết quả xét nghiệm trong phòng xét nghiệm y học

Học phần 13. Xét nghiệm tế bào

Nội dung của học phần gồm các kiến thức cơ bản về công việc và vai trò của Giải phẫu bệnh trong chẩn đoán, góp phần trong điều trị và tiên lượng bệnh; các kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm tế bào học; một số kỹ thuật nhuộm tế bào học, một số kỹ thuật mô

bệnh học thường quy trong thực hành Giải phẫu bệnh.

Học phần 14. Một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao

Phần Vi sinh

Học phần Kỹ thuật xét nghiệm nâng cao cung cấp cho sinh viên Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ liên thông các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về ứng dụng kỹ thuật huyết thanh học và sinh học phân tử trong chẩn đoán vi sinh y học. Nội dung học phần tập trung vào nguyên lý, chỉ định và giá trị chẩn đoán của các kỹ thuật huyết thanh học và sinh học phân tử hiện đang sử dụng trong phát hiện và định danh vi sinh vật gây bệnh. Phần thực hành giúp sinh viên tiếp cận và thực hiện một số kỹ thuật huyết thanh học thông thường, đồng thời quan sát và phân tích quy trình kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán vi sinh. Qua học phần, sinh viên có khả năng ghi nhận, phân tích và diễn giải kết quả xét nghiệm một cách có hệ thống, phục vụ hiệu quả cho chẩn đoán, điều trị và giám sát bệnh nhiễm trùng trong thực hành nghề nghiệp.

Phần Ký sinh trùng

Nội dung gồm các kiến thức về các kỹ thuật chuyên sâu trong lĩnh vực ký sinh trùng y học: kỹ thuật nuôi cấy ký sinh trùng, các thử nghiệm đánh giá sự nhạy cảm thuốc của vi nấm.

Phần Huyết học

Học phần Một số kỹ thuật xét nghiệm nâng cao bao gồm 4 bộ môn đảm nhận dạy (Huyết học, Hoá sinh, Ký sinh trùng và Vi sinh) sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các kỹ thuật xét nghiệm hiện đại trong lĩnh vực xét nghiệm nói chung. Bên cạnh phần lý thuyết, học phần chú trọng đào tạo thực hành, với các kỹ thuật chuyên sâu của các ngành Huyết học, Hoá sinh, Ký sinh trùng và Vi sinh. Học phần gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết, 01 thực hành), giữ vai trò là học phần chuyên ngành trọng tâm, giúp sinh viên củng cố nền tảng đã học, đồng thời mở rộng kiến thức để tiếp cận các học phần, nghiên cứu và ứng dụng chuyên sâu trong tương lai. Qua đó, sinh viên được rèn luyện năng lực phân tích, chẩn đoán và vận dụng vào thực hành lâm sàng cũng như nghiên cứu khoa học sau khi tốt nghiệp.

Phần Hóa sinh

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật phân tích nâng cao trong xét nghiệm y học, trọng tâm là kỹ thuật điện di và sắc ký. Sinh viên được tiếp cận nguyên lý, điều kiện thực hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân tách, đồng thời thực hành kỹ thuật điện di DNA và sắc ký bản mỏng nhằm phát triển kỹ năng thao tác, đánh giá và phân tích kết quả xét nghiệm. Học phần góp phần nâng cao năng lực thực hành các kỹ thuật xét nghiệm hiện đại, tạo nền tảng cho việc tiếp cận các phương pháp chẩn đoán chuyên sâu trong y học.

Học phần 15. Thực hành xét nghiệm 1 : Vi sinh y học

Học phần Thực hành xét nghiệm 1 trang bị cho sinh viên kỹ thuật xét nghiệm năm thứ 2 hệ liên thông vừa học vừa làm các kiến thức và kỹ năng thực hành cốt lõi trong xét nghiệm vi sinh lâm sàng. Nội dung học phần tập trung vào nguyên tắc xét nghiệm, lựa chọn môi trường nuôi cấy, kỹ thuật nuôi cấy – phân lập – định danh vi sinh vật và phân tích kết quả xác định tính nhạy cảm kháng sinh từ các bệnh phẩm thường gặp. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng khảo sát trực tiếp và nhận diện tác nhân vi khuẩn gây bệnh từ một số bệnh phẩm dịch nội chất và dịch sinh dục. Học phần có tính liên thông chặt chẽ với các học phần Vi sinh y học và Tổ chức, Quản lý và Kiểm tra chất lượng xét nghiệm. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp cận và học tập hiệu quả các học phần thực hành xét nghiệm vi sinh chuyên sâu ở giai đoạn tiếp theo.

Học phần 16. Thực hành xét nghiệm 1 : Vi sinh y học

Học phần Thực hành xét nghiệm 1 trang bị cho sinh viên kỹ thuật xét nghiệm năm thứ 2

hệ liên thông vừa học vừa làm các kiến thức và kỹ năng thực hành cốt lõi trong xét nghiệm vi sinh lâm sàng. Nội dung học phần tập trung vào nguyên tắc xét nghiệm, lựa chọn môi trường nuôi cấy, kỹ thuật nuôi cấy – phân lập – định danh vi sinh vật và phân tích kết quả xác định tính nhạy cảm kháng sinh từ các bệnh phẩm thường gặp. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng khảo sát trực tiếp và nhận diện tác nhân vi khuẩn gây bệnh từ một số bệnh phẩm dịch nội chất và dịch sinh dục. Học phần có tính liên thông chặt chẽ với các học phần Vi sinh y học và Tổ chức, Quản lý và Kiểm tra chất lượng xét nghiệm. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp cận và học tập hiệu quả các học phần thực hành xét nghiệm vi sinh chuyên sâu ở giai đoạn tiếp theo.

Học phần 17. Thực tập KTXN 3: Ký sinh trùng y học

Học phần gồm các nội dung gồm các kiến thức chuyên ngành liên quan sử dụng các trang thiết bị, hóa chất, môi trường trong xét nghiệm ký sinh trùng, thực hiện thành thạo theo qui trình chuẩn các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực Ký sinh trùng. Rèn luyện đạo đức người kỹ thuật viên tính tỷ mỉ, cẩn thận, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh.

Học phần 18. Thực tập KTXN 4: Huyết học và truyền máu

Học phần Thực tập KTXN 4 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thực hiện các xét nghiệm huyết học thường quy bao gồm huyết học tế bào, đông máu và truyền máu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thao tác trong phòng xét nghiệm theo quy trình chuẩn, đảm bảo an toàn sinh học và kiểm soát chất lượng.

Học phần này nằm trong giai đoạn nền tảng kỹ thuật xét nghiệm y học, có vai trò kết nối giữa lý thuyết huyết học và các học phần thực hành chuyên sâu hơn như Huyết học nâng cao. Đồng thời, học phần giúp sinh viên phát triển tư duy lâm sàng cơ bản thông qua phân tích các chỉ số huyết học liên quan đến bệnh lý thường gặp.

Học phần 19. Thực tập KTXN 5: Giải phẫu bệnh

Nội dung gồm các kỹ năng thực hành các kỹ thuật lấy mẫu xét nghiệm tế bào học; các kỹ thuật nhuộm tế bào học thường sử dụng; một số kỹ thuật xét nghiệm mô bệnh học thường quy và kỹ thuật nhuộm mô thường quy; kỹ năng phân tích, nhận định và điều chỉnh các kỹ thuật lấy xét nghiệm tế bào học và mô bệnh học

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
1	Lê Phan Tường Quỳnh	BM Di truyền y học
2	Lê Tuấn Linh	BM Di truyền y học
3	Hà Thị Minh Thi	BM Di truyền y học
4	Đoàn Thị Duyên Anh	BM Di truyền y học
5	Trần Văn Hòa	BM Dược lý
6	Lê Chuyển	BM Dược lý
7	Nguyễn Thành Tín	BM Dược lý
8	Nguyễn Lê Hồng Vân	BM Dược lý
9	Đỗ Thị Hồng Diệp	BM Dược lý
10	Nguyễn Hữu Trí	BM Giải phẫu - PTTH
11	Lê Văn Dậu	BM Giải phẫu - PTTH
12	Nguyễn Bá Lưu	BM Giải phẫu - PTTH
13	Nguyễn Thành Phúc	BM Giải phẫu - PTTH
14	Nguyễn Hoàng	BM Giải phẫu - PTTH

15	Nguyễn Thị Hồng Thuý	BM Hóa sinh
16	Phạm Thăng Long	BM Hóa sinh
17	Tôn Thất Ngọc	BM Hóa sinh
18	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
19	Hoàng Thị Thu Hương	BM Hóa sinh
20	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
21	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
22	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
23	Tôn Thất Minh Trí	BM Huyết học
24	Phan Hoàng Duy	BM Huyết học
25	Hồ Trần Phương	BM Huyết học
26	Nguyễn Đắc Duy Nghiêm	BM Huyết học
27	Hà Nữ Thuý Dương	BM Huyết học
28	Hoàng Thị Anh Thư	BM Huyết học
29	Trương Thị Quỳnh Như	BM Huyết học
30	Nguyễn Quỳnh Châu	BM Huyết học
31	Lê Phan Minh Triết	BM Huyết học
32	Võ Minh Tiếp	BM Ký sinh trùng
33	Ngô Thị Minh Châu	BM Ký sinh trùng
34	Lê Chí Cao	BM Ký sinh trùng
35	Tôn Nữ Phương Anh	BM Ký sinh trùng
36	Nguyễn Thị Huyền	BM Miễn dịch-SLB
37	Lê Đăng Võ	BM Miễn dịch-SLB
38	Lê Bá Hứa	BM Miễn dịch-SLB
39	Phan Thị Minh Phương	BM Miễn dịch-SLB
40	Phan Thị Hằng Giang	BM Miễn dịch-SLB
41	Trần Thanh Loan	BM Miễn dịch-SLB
42	Phan Ngọc Đan Thanh	BM Miễn dịch-SLB
43	Nguyễn Văn Mão	BM Mô phôi, GPB&PY
44	Trần Nam Đông	BM Mô phôi, GPB&PY
45	Phạm Nguyên Cường	BM Mô phôi, GPB&PY
46	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM Mô phôi, GPB&PY
47	Nguyễn Trần Bảo Song	BM Mô phôi, GPB&PY
48	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM Mô phôi, GPB&PY
49	Nguyễn Thị Thuý Uyên	BM Mô phôi, GPB&PY
50	Võ Thị Hạnh Thảo	BM Mô phôi, GPB&PY
51	Trần Thị Nam Phương	BM Mô phôi, GPB&PY
52	Lê Thị Thu Thảo	BM Mô phôi, GPB&PY
53	Đặng Công Thuận	BM Mô phôi, GPB&PY
54	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
55	Hoàng Viêt Thắng	BM Nội
56	Trần Văn Huy	BM Nội

57	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
58	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
59	Lê Thị Hồng Vân	BM Nội
60	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
61	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội
62	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
63	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
64	Hoàng Khánh	BM Nội
65	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
66	Văn Thị Minh An	BM Nội
67	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
68	Võ Tam	BM Nội
69	Lê Văn Chi	BM Nội
70	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
71	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
72	Trương Xuân Long	BM Nội
73	Nguyễn Duy Dẫn	BM Nội
74	Phạm Minh Trãi	BM Nội
75	Lê Phước Hoàng	BM Nội
76	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
77	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
78	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
79	Trần Duy Khiêm	BM Nội
80	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
81	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
82	Đoàn Thị Thiện Hảo	BM Nội
83	Trần Thị Kim Anh	BM Nội
84	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
85	Trần Thanh Tùng	BM Nội
86	Lương Việt Thắng	BM Nội
87	Vĩnh Khánh	BM Nội
88	Trần Đức Hoàng	BM Ngoại
89	Lê Hồng Phúc	BM Ngoại
90	Lê Quang Thử	BM Ngoại
91	Lê Nghi Thành Nhân	BM Ngoại
92	Nguyễn Thanh Minh	BM Ngoại
93	Lê Đình Dạm	BM Ngoại
94	Nguyễn Đoàn Văn Phú	BM Ngoại
95	Nguyễn Nhật Minh	BM Ngoại
96	Đặng Như Thành	BM Ngoại
97	Nguyễn Xuân Mỹ	BM Ngoại
98	Trần Nhật Tiến	BM Ngoại

99	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
100	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
101	Phan Trung Nam	BM Sinh lý
102	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
103	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
104	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
105	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
106	Trần Đình Bình	BM Vi sinh
107	Lê Văn An	BM Vi sinh
108	Mai Văn Tuấn	BM Vi sinh
109	Phan Văn Bảo Thắng	BM Vi sinh
110	Ngô Viết Quỳnh Trâm	BM Vi sinh
111	Lê Thị Bảo Chi	BM Vi sinh
112	Nguyễn Thị Châu Anh	BM Vi sinh
113	Nguyễn Thị Khánh Linh	BM Vi sinh
114	Nguyễn Hoàng Bách	BM Vi sinh
115	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ bản
116	Đặng Thị Ngọc Hoa	Khoa Cơ bản
117	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ bản
118	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ bản
119	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ bản
120	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ bản
121	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa Cơ bản
122	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ bản
123	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ bản
124	Nguyễn Thị Hồng Nga	Khoa Cơ bản
125	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều dưỡng
126	Hồ Duy Bình	Khoa Điều dưỡng
127	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều dưỡng
128	Mai Bá Hải	Khoa Điều dưỡng
129	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều dưỡng
130	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều dưỡng
131	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều dưỡng
132	Trần Thị Nguyệt	Khoa Điều dưỡng
133	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều dưỡng
134	Võ Thị Nhi	Khoa Điều dưỡng
135	Nguyễn Thanh Gia	Khoa YTCC
136	Nguyễn Thị Hường	Khoa YTCC
137	Trần Thị Táo	Khoa YTCC
138	Nguyễn Đình Minh Mẫn	Khoa YTCC
139	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
140	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC

141	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
142	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
143	Hoàng Thị Bạch Yến	Khoa YTCC
144	Đặng Thị Anh Thư	Khoa YTCC
145	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
146	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
147	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
148	Bùi Thị Phương Anh	Khoa YTCC
149	Nguyễn Thị Đăng Thư	Khoa YTCC
150	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC